

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN M'ĐRẮK
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2025/HNGĐ-ST

Ngày 06 – 03 - 2025

“V/v: Không công nhận quan hệ vợ chồng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M'ĐRẮK, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Hải

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Giang, ông Y Do Niê

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Linh Nguyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 3 năm 2025 tại hội trường Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 148/2024/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2024 về việc “Không công nhận quan hệ vợ chồng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Thào Thị Ch, sinh năm 1983. Địa chỉ: Thôn 7, xã C, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Bà Ch có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Giàng A T, sinh năm 1982. Địa chỉ: Thôn 7, xã C, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Ông T có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Thào Thị Ch trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Thào Thị Ch và ông Giàng A T được gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục và tự nguyện chung sống như vợ chồng từ khoảng năm 1996 nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống trong thời gian dài chung sống hạnh phúc, hòa thuận và không có mâu thuẫn gì. Khoảng 03 năm gần đây, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Bà Ch không chấp nhận cách hành xử của ông T nên đã phản kháng dẫn tới xô sát nhau, đánh nhau. Mặc dù anh em họ hàng hai bên nội ngoại hòa giải nhiều lần, chính quyền địa phương cùng hòa giải nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Bà Ch và ông T đã sống ly thân từ khoảng tháng 8 năm 2024 cho đến nay. Hiện nay, tình

cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài nên bà Chá đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Ch và ông T.

- Về con chung: Bà Ch và ông T có 05 con chung là Giàng A Ch1 sinh năm 2001, Giàng A D sinh năm 2003, Giàng Thị M sinh ngày 07/6/2009, Giàng A Ni D1 sinh ngày 29/3/2013 và Giàng Thị M1 sinh ngày 26/5/2019. Hiện nay Giàng A Ch và Giàng A D đều đã trưởng thành. Bà Ch có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng con Giàng Thị M1 đến khi con đủ 18 tuổi, đề nghị Tòa án giải quyết giao hai con Giàng Thị M và Giàng A Ni D1 cho ông Tính nuôi dưỡng đến khi đủ tuổi trưởng thành. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai.

- Theo đơn khởi kiện bà Ch yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung là 259.000.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án, bà Ch và ông T đã tự thỏa thuận được với nhau để giải quyết về vấn đề tài sản. Bà Ch đã rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản chung.

** Quá trình giải quyết và tại phiên tòa, bị đơn ông Giàng A T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Ông T và bà Ch tự nguyện chung sống như vợ chồng từ khoảng năm 1998 và không đăng ký kết hôn. Ông T và bà Ch chung sống hạnh phúc, hòa thuận và không có mâu thuẫn gì. Nhưng khoảng 03 năm gần đây thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bà Ch ngoại tình. Lời khai của bà Ch về mâu thuẫn vợ chồng là không đúng. Ông T mới là người bị bà Ch đánh đập. Ông T và bà Ch không còn chung sống từ cuối năm 2024, hiện nay không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Ông T không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà Ch.

- Về con chung: Nếu bà Ch vẫn yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng, ông T chấp nhận trực tiếp nuôi con chung Giàng Thị M và Giàng A Ni D1, chấp nhận giao con chung Giàng Thị M1 cho bà Ch trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ tuổi trưởng thành. Ông T không yêu cầu bà Ch cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Ông T và bà Ch tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:*

- Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết, tư cách tham gia tố tụng của các đương sự trong vụ án. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án cũng như Hội đồng xét xử (HĐXX) và thư ký phiên tòa tại phiên tòa đã thực hiện đúng quy định về trình tự thủ tục tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Đề nghị HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

- Về nội dung, đề nghị HĐXX giải quyết:

+ Không công nhận bà Thào Thị Ch và ông Giàng A T là vợ chồng.

+ Giao con chung Giàng Thị M và Giàng A Ni D1 cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ tuổi trưởng thành, giao con chung Giàng Thị M cho bà Ch trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ tuổi trưởng thành.

+ Về tài sản chung và cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu nên không đề cập xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

- Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn với bị đơn. Các đương sự đều cư trú tại Thôn 7, xã Cư Króa, huyện M'Đrăk, tỉnh Đắk Lắk, nên Tòa án nhân dân huyện M'Đrăk thụ lý giải quyết theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS).

- Về thủ tục vắng mặt các đương sự: Nguyên đơn có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, HĐXX cần áp dụng khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của BLTTDS, xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Xét việc nguyên đơn và bị đơn sống chung như vợ chồng từ năm 1996 cho đến nay, mặc dù có đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Tại khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: *“Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này.”*

Căn cứ quy định trên, HĐXX cần xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa nguyên đơn và bị đơn.

[2.2] Về con chung:

Nguyên đơn và bị đơn có 05 con chung là Giàng A Ch1 sinh ngày 03/09/2001, Giàng A D sinh ngày 12/01/2003, Giàng Thị M sinh ngày 07/6/2009, Giàng A Ni D1 sinh ngày 29/3/2013 và Giàng Thị M1 sinh ngày 26/5/2019. Hiện nay con Giàng A Ch và Giàng A D đều đã trưởng thành và đã lập gia đình nên không đề cập giải quyết. Giàng Thị Mú và Giàng A Ni D1 chưa đủ 18 tuổi, có nguyện vọng sống cùng với bị đơn và bị đơn cũng có nguyện vọng nuôi con nên cần chấp nhận. Nguyên đơn có nguyện vọng trực tiếp nuôi con chung Giàng Thị M1 nên cần chấp nhận.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Nguyên đơn và bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung: Nguyên đơn có yêu cầu chia tài sản chung là 259.000.000 đồng tiền mặt. Trong quá trình giải quyết vụ án các bên đã tự thỏa thuận được với nhau để giải quyết về phần tài sản, nguyên đơn đã nộp đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản chung và bị đơn không có yêu cầu gì. Nên HĐXX cần chấp nhận, đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản chung.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn là người dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn đề nghị miễn tạm ứng án phí, án phí nên được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 53, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ khoản 4 Điều 147 BLTTDS; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Thào Thị Ch: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Thào Thị Ch và ông Giàng A T.

2. Về con chung:

+ Giao con chung Giàng Thị M, sinh ngày 07/6/2009 và Giàng A Ni D1, sinh ngày 29/3/2013 cho ông Giàng A T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

+ Giao con chung Giàng Thị M1, sinh ngày 26/5/2019 cho bà Thào Thị Ch trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

3. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Thào Thị Chá về việc yêu cầu chia tài sản chung 259.000.000 đồng.

4. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự cho nguyên đơn bà Thào Thị Ch.

5. Về quyền kháng cáo:

- Bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

- Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện M'Đrăk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- THADS huyện M'Đrăk;
- Dương sự;
- UBND xã CuKróa, huyện M'Đrăk;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Vũ Thị Hải